

**KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CÁC LỚP HỌC PHẦN CĐTĐ THỨ 2 (BK)
CÁC KHÓA & CÁC NGÔN NGỮ ANH, NHẬT, HÀN QUỐC VÀ TRUNG QUỐC
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2020-2021
BẢN CHÍNH THỨC**

*Thời gian thực hiện HK 2 năm học 2020-2021 từ ngày 04/01/2021 đến 14/5/2021
Thời HK 2 2020-2021 dự kiến từ ngày 14/5/2021 đến hết ngày 28/5/2021*

Ngày Từ Nguyễn đến từ ngày 08/02/2021 đến hết ngày 21/02/2021

PHÒNG HỌC ĐƯỢC CẤP NHẬT GỬ CHO CÁC THẦY/CÓ VÀ SINH VIÊN TRƯỚC NGÀY 28/12/2020 CÙNG DS TẠM THỜI																				
STT	Tên học phần	Mã học phần	TC	Sáng	M.L.H.P	Thứ	Buổi	Giờ	PGD	Thứ	Buổi	Tiết	Giờ	Giới tính	SL	SL	SL	SL	SL	
Đổi mạng QH.2020 (Ngôn ngữ Nhật) Sinh viên mới chọn ở phân học cũ 2 lớp học phần theo hàng ngang																				
1	Tiếng Nhật 2A	JAP4023	4	8	BK-JAP4023-01	2	Tối	6h30-7h30		7	Sáng	2-5	101-83	QH2020	37	50				
2	Tiếng Nhật 2B	JAP4024	4	8	BK-JAP4024-01	4	Tối	6h30-7h30		7	Chiều	7-10	101-83	QH2020	36	50				
Đổi mạng QH.2019 (Ngôn ngữ Nhật)																				
3	Ngôn ngữ học tiếng Nhật 1	JAP2001	3	3	BK-JAP2001-01	2	Sáng	1-3	205-83						26					
4	Phiên dịch	JAP3029	3	3	BK-JAP3029-01	3	Sáng	3-5	406-C1						24					
5	Bồi dưỡng	JAP3001	3	3	BK-JAP3001-01	2	Sáng	4-6	205-83						24					
6	Dẫn nước học Nhật Bản 1	JAP2003	3	3	BK-JAP2003-01	5	Sáng	1-3	206-83						24					
7	Giáo tiếp liên văn hóa	JAP2004	3	3	BK-JAP2004-01	5	Sáng	4-6	206-83						24					
Đổi mạng QH.2018 (Ngôn ngữ Nhật)																				
8	Thực tập	BK-JAP801	3	3	BK-JAP801-01									QH2018		35				
Đổi mạng QH.2020 (Ngôn ngữ Hàn Quốc) Sinh viên mới chọn ở phân học cũ 2 lớp học phần theo hàng ngang																				
9	Tiếng Hàn Quốc 2A	KOR4023	4	8	BK-KOR4023-01	4	Tối	18h30		7	Chiều	7-10	101-83	QH2020	50	35				
10	Tiếng Hàn Quốc 2B	KOR4024	4	8	BK-KOR4024-01	3	Tối	18h30		7	Sáng	2-5	101-83	QH2020	50	35				
Đăng ký BS đợt cuối tháng 12/20																				
Đổi mạng QH.2019 (Ngôn ngữ Hàn Quốc) Sinh viên mới chọn ở phân học cũ 2 lớp học phần theo hàng ngang																				
11	Phiên dịch	KOR3002	3	3	BK-KOR3002-01	4	Sáng	1-3	811-A2					QH2019	33	35				
12	Bồi dưỡng	KOR3003	3	3	BK-KOR3003-01	5	Sáng	4-6	101-C7					QH2019	18	50				
13	Lý thuyết dịch	KOR3001	3	3	BK-KOR3001-01	2	Sáng	4-6	401-83					QH2019	32	50				
14	Ngôn ngữ học tiếng Hàn 1 (lớp 3 buổi)	KOR2001	3	3	BK-KOR2001-01	CN	Sáng	2-6	402-82					QH2019	39	60			185 R3 B0	
15	Giáo tiếp liên văn hóa	KOR2004	3	3	BK-KOR2004-01	7	Sáng	4-6	402-82					QH2019	39	60			202 R3 B0	
16	Kỹ năng Biên Phiên dịch	KOR3049	3	3	BK-KOR3049-01	7	Sáng	1-3	402-82					QH2019	60	60			196 R3 B0	
Đổi mạng QH.2018 (Ngôn ngữ Hàn Quốc) Sinh viên mới chọn ở phân học cũ 2 lớp học phần theo hàng ngang																				
17	Tiếng Hàn Kinh tế - Thương mại	BK-KOR3011	3	3	BK-KOR3011-01	7	Sáng	1-3	202-83						34					
18	Văn học HQ 1	BK-KOR2010	3	3	BK-KOR2010-01	7	Sáng	4-6	205-83						38					
19	Dẫn nước học HQ 2	BK-KOR2011	3	3	BK-KOR2011-01	CN	Sáng	4-6	205-83						31					
20	Định dạng văn	KOR3007	3	3	BK-KOR3007-01	7	Chiều	7-9	101-83	HUY	HUY	HUY	HUY		4	40				
Đổi mạng QH.2020 (Ngôn ngữ Anh) Sinh viên mới chọn ở phân học cũ 2 lớp học phần theo hàng ngang																				
21	Tiếng Anh 2A (Hạng 2 buổi/tuần; Max: 35 sinh viên/lớp)	ENG4023	4	8	BK-ENG4023-01	2	Sáng	1-4	206-83	7	Chiều	7-10	102-83	QH2020	35	35				
					BK-ENG4023-02	3	Chiều	7-10	406-82	7	Sáng	1-4	102-83	QH2020	34	35				
					BK-ENG4023-03	4	Sáng	1-4	401-83	CN	Chiều	7-10	102-82	QH2020	5	35			HUY	HUY
					BK-ENG4023-04	5	Chiều	7-10	301-83	CN	Sáng	1-4	102-83	QH2020	32	35				
					BK-ENG4024-01	2	Chiều	7-10	202-82	7	Chiều	7-10	100-83	QH2020	35	35				
22	Tiếng Anh 2B (Hạng 2 buổi/tuần; Max: 35 sinh viên/lớp)	ENG4024	4	8	BK-ENG4024-02	3	Sáng	1-4	407-C1	7	Sáng	1-4	103-83	QH2020	34	35				
					BK-ENG4024-03	3	Chiều	7-10	410-83	CN	Sáng	1-4	103-83	QH2020	5	40			HUY	HUY
					BK-ENG4024-04	5	Sáng	1-4	305-83	CN	Chiều	7-10	103-83	QH2020	20	35				
Đổi mạng QH.2019 (Ngôn ngữ Anh) Sinh viên mới chọn ở phân học cũ 2 lớp học phần theo hàng ngang																				
23	Tiếng Anh 1A (Hạng 2 buổi/tuần; Max: 35 sinh viên/lớp)	ENG4028	4	8	BK-ENG4028-01	2	Sáng	1-4	402-83	7	Chiều	7-10	101-83	QH2019	4	35			HUY	HUY
					BK-ENG4028-02	4	Sáng	1-4	305-83	7	Sáng	1-4	101-83	QH2019	3	35			HUY	HUY
					BK-ENG4028-03	3	Sáng	1-4	506-42	7	Sáng	1-4	105-83	QH2019	8					
24	Tiếng Anh 4B (Hạng 2 buổi/tuần; Max: 35 sinh viên/lớp)	ENG4029	4	8	BK-ENG4029-01	2	Chiều	7-10	711-A2	6	Sáng	1-4	101-83	QH2019	3	35			HUY	HUY
					BK-ENG4029-02	2	Chiều	7-10	301-82	CN	Sáng	1-4	100-80	QH2019	7	35			HUY	HUY
					BK-ENG4029-03	5	Sáng	1-4	402-83	7	Chiều	7-10	104-83	QH2019	9	35				
25	Tiếng Anh 3C-4C	ENG4027_4030B	3	3	BK-ENG4030-01	4	Sáng	1-5	406-83	7	Chiều	7-10	106-83	QH2019	5	35			HUY	HUY
					BK-ENG4030-02	5	Chiều	7-11	811-A2	7	Sáng	1-4	106-83	QH2019	23	35				
Đổi mạng QH.2018, QH.2019, F10.E (VN Anh)																				
26	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	ENG2055	3	3	BK-ENG2055-01	4	Sáng	1-3	102-83					QH2018,19	27	50				
					BK-ENG2055-02	2	Chiều	7-9	211-82					QH2018,19	38	50				
27	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	ENG2056	3	3	BK-ENG2056-01	6	Sáng	4-6	404-83					QH2018,19	33	50				
					BK-ENG2049-01	3	Chiều	7-9	101-83					QH2018,19	33	50				
28	Lý thuyết dịch	ENG2049	3	3	BK-ENG2049-02	4	Chiều	7-9	410-82					QH2018,19	31	50				
29	Bồi dưỡng	ENG3030	3	3	BK-ENG2030-01	5	Chiều	7-9	101-83					QH2018,19	16	50				
					BK-ENG2030-02	4	Sáng	4-6	406-C1					QH2018,19	31	35				
30	Phiên dịch	ENG2062	3	3	BK-ENG2062-01	3	Sáng	4-6	508-42					QH2018,19	29	40				
					BK-ENG2062-02	5	Sáng	4-6	402-83					QH2018,19	12	50				
31	Bồi dưỡng nâng cao (sau 10 tuần học xong môn này thì xin học nâng cao)	ENG2006	3	3	BK-ENG2006-01	5	Chiều	7-9	407-82					QH2018,19	11	50				
32	Phiên dịch nâng cao (sau 10 tuần học xong môn này thì xin học nâng cao)	ENG2064	3	3	BK-ENG2064-01	3	Chiều	7-9	407-82					QH2018,19	16	35				
					BK-ENG2064-02	2	Chiều	7-9	302-82					QH2018,19	13	35				
33	Các kỹ năng NV nghiệp vụ	ENG2032	3	3	BK-ENG2032-01	5	Chiều	7-9	409-82					QH2018,19	17	50				
34	Phiên tích điển văn	ENG2060	3	3	BK-ENG2060-01	5	Chiều	7-9	410-82					QH2018,19	11	50				
					BK-ENG2054-01	4	Sáng	4-6	404-83					QH2018,19	19	35				
35	Giáo tiếp liên văn hóa	ENG2054	3	3	BK-ENG2054-02	4	Sáng	4-6	407-C1					QH2018,19	28	35				
					BK-ENG2077-01	7	Sáng	1-3	205-83					QH2018,19	11	50				
36	Văn học và giao tiếp	ENG2077	3	3	BK-ENG2077-01	7	Sáng	1-3	205-83					QH2018,19	11	50				
					BK-ENG2052-01	5	Sáng	4-6	407-C1					QH2018,19	31	50				
37	Dẫn nước học Anh Mỹ	ENG2052	3	3	BK-ENG2052-02	CN	Sáng	4-6	202-83	HUY	HUY	HUY	HUY	QH2018,19	7	50				
38	Tiếng Anh kinh tế	ENG2072	3	3	BK-ENG2072-01	6	Sáng	1-3	206-83					QH2018,19	38	35				
					BK-ENG2072-02	3	Sáng	4-6	603-A2					QH2018,19	16	40				
39	Tiếng Anh TCNH	ENG2073	3	3	BK-ENG2073-01	3	Chiều	7-9	409-82					QH2018,19	13	50				
					BK-ENG2073-02	6	Sáng	4-6	405-83					QH2018,19	15	35				
40	Tiếng Anh du lịch	ENG2070	3	3	BK-ENG2070-01	5	Sáng	1-3	101-83					QH2018,19	32	50				
					BK-ENG2070-02	2	Sáng	4-6	101-83					QH2018,19	27	50				
41	Tiếng Anh GT trong KD	ENG2071	3	3	BK-ENG2071-01	6	Chiều	7-9	211-82					QH2018,19	26	50				
					BK-ENG2071-02	2	Sáng	1-3	100-82	HUY	HUY	HUY	HUY	QH2018,19	9					
42	Nhập môn viết ngữ học	VLF1052	3	3	BK-VLF1052-01	6	Sáng	1-4	406-83					QH2018,19	40	35				
43	Ngữ pháp học tiếng Anh	ENG2057	3	3	BK-ENG2057-01	4	Sáng	1-3	401-83					QH2018,19	27	50				
44	Ngôn ngữ và truyền thông	ENG2055	3	3	BK-ENG2055-01	4	Sáng	1-3	404-83	</										

Thời gian thực hiện HK 2 năm học 2020-2021 từ ngày 04/01/2021 đến 14/5/2021
 Thời HK 2 2020-2021 dự kiến từ ngày 14/5/2021 đến hết ngày 28/5/2021

		8	10	Tổng TQ 2A,2B	7	Sáng	Chiều		CN	Sáng	Chiều								
49	Tháng TQ 2A, 2B	2020/01/02																	35
	Tháng TQ 4A, 4B																		35
	Tháng TQ 3C, 4C																		35
	Tháng TQ GTKD																		35
50	Kỳ năng NVBP dịch																		35
	Lý thuyết dịch																		35
51	Mô hình thực tập theo mô hình hệ đào tạo liên cấp: (Lớp thực tập chỉ mở cho sinh viên khóa CTĐT thứ 2 - QH2016 và 2017 (theo đơn từ 15 sinh viên trở lên); 4 tuần tại trường ĐHNVN từ 11/01/2021-08/02/2021; 2 tuần tại các cơ sở ngoài trường sẽ được tiếp sau đó. Trường hợp sinh viên đăng ký thực tập ở hơn 15 sinh viên để nghị sinh viên sẽ được tiếp theo quy chế được ban hành, thực tập mới của Trường ĐHNVN cho sinh viên CTĐT thứ 2 từ QH2018 trở đi, sinh viên có thời điểm vai lòng liên hệ thực tập 0982212151 trong giờ hành chính để được giải đáp			TT-BK-ENG4001-01 (Cả ngày 17+Sáng CN)															

Đường lý thực tập tại phòng
 trng: CTĐT thứ 2 (102 B3)

Bước 1: Nộp học phí tại 204 nhà A1 (Cả Hương) Bước 2: Xuất trình hóa đơn nộp HP và đăng ký vào DS thực tập tại Phòng 102 nhà B3 từ ngày 22/12/2020 đến 25/12/2020

Ghi chú:
 CNN: Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ
 A2: Tòa nhà A2
 B2: Khu nhà B2
 C1: Tòa nhà C1 (trong công trình Khoa Pháp)
 GB: Giảng đường tòa nhà

Cử học: Sáng: 1: 7000-7050; 2: 7050-8000; 3: 8000-9000; 4: 9000-10000; 5: 10000-11000; 6: 11000-12000
 Chiều: Tối 7: 13000- 13850; 8: 13850-14800; 9: 14800-15800; 10: 15800-16800; 11: 16800-17800; 12: 17800-18825
 Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2019

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
 PHỖ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thủy Lan